TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiển.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khánh
Ông Đỗ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐ-ST ngày 20/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T G1, xã T D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T G 1, xã T D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị T tại Việt Nam: Thôn Th G 1, xã T D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị T được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Qúa trình chung sống vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh không hợp nhau và không có tiếng nói chung trong

cách nuôi dạy con và trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Năm 2009 chị T đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng anh liên lạc với nhau thưa dần, mỗi lần vợ chồng liên lạc chỉ nhằm mục đích hỏi thăm việc học tập của con mà không thể hàn gắn tình cảm được. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Vũ Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 09/02/2005. Hiện cháu Đ đã trưởng thành, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Vũ Thị T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tòa án đã tiến hành xác minh với người thân của chị T là anh Vũ Văn Th (anh trai chị T), sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn T G1, xã T D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh Th đã thông báo cho chị T biết nhưng chị T không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và từ chối cung cấp địa chỉ hiện tại của chị T tại nước ngoài.

Tại phiên tòa, Anh Nguyễn Văn H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn H, biên bản làm việc với anh Vũ Văn Th và cháu Nguyễn Văn Đức, thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Vũ Thị T.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị T. Theo Công văn trả lời số:14542/QLXNC-P5 ngày 09/6/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp, chị T xuất nhập cảnh 06 lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 11/12/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn " theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T có địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: thôn T G1, xã T D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về sự vắng mặt của đương sự:

[2.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[2.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị T thông qua người thân của chị T là anh Vũ Văn Th và đề nghị anh Th thông báo cho chị T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án "Ly hôn" giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H và bị đơn là chị Vũ Thị T. Anh Th cho biết chị T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị T tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Vũ Thị T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H đối với chị Vũ Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh H và chị T chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được nên anh H và chị T đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh H và chị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định

tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị T, xử cho anh H được ly hôn chị T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Đức, sinh ngày 09/02/2005, hiện cháu Đức đã trưởng thành, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo:

[7.1] Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7.2] Chị Vũ Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Vũ Thị T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005380 ngày 29/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã T D, huyện L N, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Hiển

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phương Nguyễn Đức Kha **Hoàng Thị Thu Hiền**

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Khánh Nguyễn Thị Bích **Hoàng Thị Thu Hiền**

***Nơi nhận**:*
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phương **Nguyễn Đức Kha** **Nguyễn Như Hiển**

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Hiển